

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 18/7/2025

V/v: “Kiện đòi tài sản”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tuyển, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Nguyên. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 315/2024/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc: “Kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị X, sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn C, xã V, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957.

Trú tại: Thôn C, xã V, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị X trình bày:

Tôi và bà Trịnh Thị N có mối quan hệ quen biết cùng thôn với nhau. Vào ngày 30 tháng 4 năm 2018 tôi có cho bà Trịnh Thị N vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) hẹn đến vụ lúa của năm 2019 sẽ trả. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà N không trả số tiền vay cho tôi như đã hẹn. Vì vậy, nay tôi khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị N phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Bị đơn bà Trịnh Thị N trình bày:

Tôi và bà Mai Thị X có mối quan hệ quen biết cùng thôn với nhau. Tôi có mối quan hệ làm ăn vay tiền với bà Nguyễn Thị X là mẹ của bà X. Vào năm 2011 tôi có vay tiền nhiều lần của bà X, đến năm 2018 hai bên có chốt nợ lại với nhau là tôi còn nợ của bà X số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Số tiền này hiện nay tôi vẫn còn nợ của bà X, tuy nhiên bà X phải cung cấp được giấy vay tiền thì tôi mới trả cho bà X. Vào năm 2018 tôi có vay tiền của X, tuy nhiên tôi đã trả hết nợ cho bà X.

Nay bà X khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền vay 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 30/4/2018 thì tôi không đồng ý, vì: Tôi không vay tiền của bà X mà chỉ vay tiền của bà X là mẹ bà X.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị X trình bày:

Tôi là mẹ của bà Mai Thị X, tôi sống cùng nhà với bà X. Tôi và bà N ở cùng xã với nhau. Trước đây, vào năm 2012 bà N có nhiều lần vay tiền của tôi. Đến năm 2018 tôi được biết bà N có vay tiền của con tôi là bà Mai Thị X, vay tiền tại nhà bà X. Tôi không liên quan đến việc vay tiền giữa bà X và bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 163, Khoản 1 Điều 166, Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị X. Buộc bà Trịnh Thị N có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị X số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk) xác

định quan hệ pháp luật: “Kiện đòi tài sản”, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện bị đơn cư trú tại thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn C, xã V, tỉnh Đắk Lắk). Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà X cho rằng vào ngày 30/4/2018 bà X cho bà N vay số tiền 50.000.000 đồng, hạn đến vụ lúa của năm 2019 sẽ trả. Tuy nhiên, đến nay bà N vẫn chưa trả số tiền vay cho bà X.

Bị đơn bà N chỉ thừa nhận vào năm 2011 có vay tiền của bà X là mẹ bà X, đến năm 2018 hai bên có chốt nợ lại với nhau, bà N còn nợ bà X 50.000.000 đồng. Số tiền này hiện nay bà N vẫn còn nợ của bà X, tuy nhiên bà X phải cung cấp được giấy vay tiền thì bà N mới trả cho bà X. Bà N cho rằng vào năm 2018 bà N có vay tiền của X, tuy nhiên bà N đã trả cho bà X. Hiện nay, bà N không còn nợ bà X mà chỉ còn nợ tiền của bà X, nên bà N không đồng ý trả cho bà X.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký, chữ viết của bà Trịnh Thị N trong giấy vay tiền. Tại Kết luận giám định số: 692/KL-KTHS ngày 15/5/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: *Chữ ký, chữ viết mang tên Trịnh Thị N dưới mục “Tên vợ” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết mang tên Trịnh Thị N trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người ký, viết ra.*

Theo kết quả giám định trong giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của Trịnh Thị N. Mặt khác, lời khai của bà N không được bà X và bà X thừa nhận, bà N cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà N có vay tiền của bà X, nên cần buộc bà N phải trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà X.

[3] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Áp dụng khoản 4 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc bà Trịnh Thị N phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.800.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp, nên cần buộc bị đơn bà Trịnh Thị N phải thanh toán lại cho nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Trịnh Thị N là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, bị đơn bà Trịnh Thị N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 163, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị X.

Buộc bà Trịnh Thị N có trách nhiệm trả cho bà Mai Thị X số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Về chi phí giám định: Buộc bà Trịnh Thị N phải trả cho bà Mai Thị X 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Về án phí: Bị đơn bà Trịnh Thị N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Mai Thị X số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4) theo biên lai thu số AA/2023/0006182 ngày 30/10/2024.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thị Huyền Trang